TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 06/3/2024
V/v "*Ly hôn giữa bà H với ông K"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Giàu

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 440/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy H , sinh năm: 1979;

Địa chỉ: A, ấp H, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn K, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: B, ấp T, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà H có Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2023, Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 14/12/2023, nguyên đơn bà Trần Thị Thúy H trình bày:

Bà và ông K kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/11/2002 do tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Bà và ông K đã ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông K không còn nên bà xin ly hôn với ông K.

Về con chung: bà và ông K có một con chung tên Lê Thị Mỹ T sinh ngày 19/3/1999. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc bà không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với ông K nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập ông Lê Văn K tới Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Lê Văn K không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông K cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy H khởi kiện bị đơn ông Lê Văn K; quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị Thúy H và ông Lê Văn K là tranh chấp về ly hôn; hiện nay, ông K đang cư trú tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Trần Thị Thúy H và bị đơn ông Lê Văn K.

[2] Về nội dung: Bà H và ông K tự nguyện kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/11/2002 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà H, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Bà và ông K đã ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông K không còn nên bà xin ly hôn với ông K. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà H và ông K nhưng ông K vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà H. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: bà H và ông K có một con chung tên Lê Thị Mỹ T sinh ngày 19/3/1999. Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà H phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thúy H và ông Lê Văn K.

2. Về con chung: con chung tên Lê Thị Mỹ T sinh ngày 19/3/1999 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0000768 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND phường P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương